**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số729/QĐ-SYT ngày 06/11/2020 của Sở Y tế)*

**PHẦN I**

**KIẾN THỨC CHUNG**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 2, 11, 20, 33, 34, 35 và 39**Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018 |
| 2 | **Điều 3, 6, 54, 55, 57, 58, 59, 63, 76, 77 và 81**Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009 |
| 3 | **Điều 1: Khoản 3, 8, 9, 12, 15 và 17; Điều 2: Khoản 5 và 8**Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 |
| 4 | **Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 42, 45 (trừ Khoản 1), 46 và 52**Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 |
| 5 | **Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 39 và 40**Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức |
| 6 | **Điều 21, 23, 26, 27, 28, 32, 39, 57, 58 và 59**Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức |
| 7 | **12 điều y đức**Quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định về y đức” (Tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế) |
| 8 | **Điều 3, 4, 5, 6 và 7**Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế |

**PHẦN II**

**KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

 **1. Bác sỹ hạng III (V.08.01.03): 108 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Từ Điều 31 đến Điều 34**Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007 |
| 2 | **Từ Điều 7 đến Điều 25**Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc |
| 3 | **Phần II, III**Quyết định số 5447/QĐ-BYT ngày 19/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh viêm gan vi rút A |
| 4 | **Phần II, III**Quyết định số 4845/QĐ-BYT ngày 08/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét |
| 5 | **Mục 3 đến Mục 6**Quyết định số 2957/QĐ-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh bạch hầu |
| 6 | **Mục 3**Quyết định số 1622/QĐ-BYT ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người” |
| 7 | **Phần III, IV**Quyết định số 3705/QĐ-BYT ngày 22/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue |
| 8 | **Phần II, III**Quyết định số 1003/QĐ-BYT ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh tay - chân - miệng |
| 9 | **Từ Phần II đến Phần IX**Quyết định số 3351/QĐ-BYT ngày 29/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do chủng virus Corona mới (SARS-CoV-2) |
| 10 | **Từ Điều 3 đến Điều 11**Thông tư số 43/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 11 | **Chương II, III**Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở, khám chữa bệnh |
| 12 | **Từ Điều 4 đến Điều 13**Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kê đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.**Điều 1**Thông tư số 18/2018/TT-BYT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. |
| 13 | **Từ Điều 3 đến Điều 6**Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 14 | **Điều 1 và 2**Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi |
| 15 | **Từ Điều 5 đến Điều 10**Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 16 | **Từ Điều 3 đến Điều 13**Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử |
| 17 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Y tế - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |

**2. Bác sĩ y học dự phòng hạng III (V.08.02.06): 04 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Từ Điều 3 đến Điều 8; từ Điều 20 đến Điều 23; từ Điều 27 đến Điều 33; từ Điều 38 đến Điều 55**Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007 |
| 2 | **Chương 2. An toàn tiêm chủng**Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng |
| 3 | **Từ Mục I đến Mục IV**Quyết định số 2470/QĐ-BYT ngày 14/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với Trẻ em |
| 4 | **Phần II. Hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 trong cộng đồng: Trường học, trụ sở làm việc, các cuộc họp, khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp**Quyết định số 3888/QĐ-BYT ngày 08/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Sổ tay “Hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tại cộng đồng trong trạng thái bình thường mới” |
| 5 | **Phần IV**Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh sốt xuất huyết Dengue” |
| 6 | **Phần II, III**Quyết định số 581/QĐ-BYT ngày 24/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh tay chân miệng” |
| 7 | **Phần II, III**Quyết định số 5447/QĐ-BYT ngày 19/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh viêm gan vi rút A |
| 8 | **Phần II, III**Quyết định số 3593/QĐ-BYT ngày 18/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc “Hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh bạch hầu” |
| 9 | **Phần III**Quyết định số 4845/QĐ-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sởi, rubella” |
| 10 | **Mục 2, 4**Quyết định số 1622/QĐ-BYT ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người” |
| 11 | **Từ Điều 1 đến Điều 7**Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm |
| 12 | **Từ Điều 3 đến Điều 12**Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn giám sát và đáp ứng với bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm |
| 13 | **Từ Điều 3 đến Điều 9**Thông tư số 40/2018/TT-BYT ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm |

**3. Y sĩ hạng IV (V.08.03.07): 18 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Từ Điều 4 đến Điều 10**Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng |
| 2 | Quyết định số 2535/QĐ-BYT ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn theo dõi chăm sóc, xử trí phản ứng sau tiêm chủng” |
| 3 | Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 4 | **Từ Điều 4 đến Điều 13**Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kê đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.**Điều 1**Thông tư số 18/2018/TT-BYT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. |
| 5 | Quyết định số 3705/QĐ-BYT ngày 22/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue |
| 6 | **Mục 3 đến Mục 6**Quyết định số 2957/QĐ-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh bạch hầu |
| 7 | **Mục 2, 4**Quyết định số 1622/QĐ-BYT ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt “Hướng dẫn giám sát, phòng chống bệnh dại trên người” |
| 8 | **Phần II, III**Quyết định số 4845/QĐ-BYT ngày 08/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét |
| 9 | Quyết định số 5904/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã” |

**4. Dược hạng III (V.08.08.22): 15 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 7, 8, 59 và 77**Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016 |
| 2 | **Điều 5 và 6**Thông tư số 31/2012/TT-BYT ngày 20/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn hoạt động dược lâm sàng trong bệnh viện |
| 3 | **Phần I (Đại cương về kháng sinh và vi khuẩn học)**Quyết định số 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn sử dụng kháng sinh” |
| 4 | **Điều 4, 7 và 8; Phụ lục 2, 4, 5, 6 và 9**Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện |
| 5 | **Điều 3**Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn sử dụng thuốc trong cơ sở y tế có giường bệnh |
| 6 | **Từ Điều 7 đến Điều 12**Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập |
| 7 | **Điều 3, Điều 4, Điều 8**Thông tư 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị Định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt |
| 8 | Quyết định số 2397/1999/QĐ-BYT ngày 10/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy định “Đạo đức hành nghề Dược” |

**5. Dược hạng IV (V.08.08.23): 10 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 31, 47 và 75**Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016 |
| 2 | **Điều 2, 10, 11 và 12**Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện  |
| 3 | **Điều 5 và7**Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn sử dụng thuốc trong cơ sở y tế có giường bệnh  |
| 4 | **Điều 3 và 4**Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện |
| 5 | Quyết định số 2397/1999/QĐ-BYT ngày 10/8/1999 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy định “Đạo đức hành nghề Dược” |
| 6 | **Mục 6 (Bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc) - Phụ lục I; Mục 6 (Quy trình bảo quản) - Phụ lục II; Mục 3 (Bảo quản thuốc) - Phụ lục IV**Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc |
| 7 | **Điều 1, Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III**Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị Định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt |

**6. Điều dưỡng hạng III (V.08.05.12): 05 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện |
| 2 | **Mục 1, Chương II**Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y |
| 3 | Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam |
| 4 | Quyết định số 20/2012/QĐ-HĐDVN ngày 11/9/2012 của Chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam ban hành Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên |
| 5 | Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 6 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 7 | Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 8 | Thông tư số 08/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về công tác dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện |
| 9 | Quyết định số 468/QĐ-BYT ngày 19/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona 2019 (COVID-19) trong các cơ sở khám, chữa bệnh |

**7. Điều dưỡng hạng IV (V.08.05.13): 47 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện |
| 2 | Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y |
| 3 | Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam |
| 4 | Quyết định số 20/2012/QĐ-HĐDVN ngày 11/9/2012 của Chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam ban hành Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên |
| 5 | Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 6 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế  |
| 7 | Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 8 | Thông tư số 08/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về công tác dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện |

**8. Hộ sinh hạng III (V.08.06.15): 04 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Mục 2, Chương II**Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y |
| 2 | Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của hộ sinh Việt Nam” |
| 3 | Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 4 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế  |
| 5 | Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 6 | Quyết định số 468/QĐ-BYT ngày 19/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona 2019 (COVID-19) trong các cơ sở khám, chữa bệnh |
| 7 | **Tài liệu hướng dẫn ''Kỹ năng cơ bản của Người đỡ đẻ"** ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.**Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản** ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 8 | Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số biện pháp thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 9 | Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu Hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ |

**9. Hộ sinh hạng IV (V.08.06.16): 15 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Mục 2, Chương II**Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y  |
| 2 | Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của hộ sinh Việt Nam” |
| 3 | Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ |
| 4 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 5 | Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 6 | **Tài liệu hướng dẫn “Kỹ năng cơ bản của Người đỡ đẻ”** ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.**Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản** ban hành kèm theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 7 | Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số biện pháp thúc đẩy nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 9 | Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu Hướng dẫn chuyên môn chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ |

**10. Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18): 05 chỉ tiêu**

**10.1. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật viên Y hạng III - Chẩn đoán hình ảnh**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 2 | **Điều 1**Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế |
| 3 | **Điều 5 và 11** Nghị định số 07/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử |
| 4 | **Điều 12, 17, 18, 23 và 27**Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế |

**10.2. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật viên Y hạng III – Xét nghiệm**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 3, 4, 18, 19 và 20**Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm |
| 2 | **Điều 3 và 4**Thông tư số 37/2017/TT-BYT ngày 25/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành bảo đảm an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm |
| 3 | **Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10**Thông tư số 49/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn hoạt động xét nghiệm trong khám bệnh, chữa bệnh |
| 4 | **Điều 3, 4, 5, 6, 7 và 9**Thông tư số 40/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm truyền nhiễm |
| 5 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |

**11. Kỹ thuật y hạng IV (V.08.07.19): 21 chỉ tiêu**

**11.1. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật viên Y hạng IV – Chẩn đoán hình ảnh**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 2 | **Điều 1**Thông tư số 13/2018/TT-BKHCNngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế |
| 3 | **Điều 5**Nghị định số 07/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật năng lượng nguyên tử |
| 4 | **Điều 12, 17 và 27**Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế |

**11.2. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật viên Y hạng IV - Xét nghiệm**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 3, 4 và 18**Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn xét nghiệm tại phòng xét nghiệm |
| 2 | **Điều 3**Thông tư số 37/2017/TT-BYT ngày 25/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành bảo đảm an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm |
| 3 | **Điều 5, 6, 7 và 10**Thông tư số 49/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn hoạt động xét nghiệm trong khám bệnh, chữa bệnh |
| 4 | **Điều 3, 4, 5 và 9**Thông tư số 40/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý mẫu bệnh phẩm truyền nhiễm |
| 5 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |

**11.3. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật y hạng IV - Vật lý trị liệu, PHCN**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Mục 3 và Phụ lục 1**Quyết định số 1719/QĐ-BYT ngày 15/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Tài liệu Hướng dẫn Phục hồi chức năng bệnh Viêm đường hô hấp cấp tính do SARS-CoV2 (COVID-19) |
| 2 | **Phần II, trang 9 đến trang 28 về hướng dẫn Người khuyết tật tự phòng chống Covid-19**Sổ tay hướng dẫn một số biện pháp phòng chống dịch Viêm đường hô hấp cấp do SARS-COV-2 (COVID-19) đối với người khuyết tật tại cộng đồng theo Quyết định số 1773/QĐ-BYT ngày 20/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế  |
| 3 | **Phần III, trang 8 đến trang 14 trong sách Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh** Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt các Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh |
| 4 | Quyết định số 4039/QĐ-BYT ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch quốc gia phát triển về Phục hồi chức năng giai đoạn 2014-2020 |

**12. Kỹ sư hạng III (V.05.02.07): 10 chỉ tiêu**

**12.1. Vị trí tuyển dụng: Kỹ sư hạng III - Quản trị mạng, theo dõi, sửa chữa, nâng cấp phần mềm/Thực hiện công việc về công nghệ thông tin/Thực hiện công tác công nghệ thông tin/Phụ trách các phần mềm tin học, thực hiện các nhiệm vụ liên quan công nghệ thông tin**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 23, 24, 35, 71 và 72**Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006 |
| 2 | **Điều 10, 11, 13, 15, 21, 22, 23 và 25** Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015 |
| 3 | **Điều 35, 38, 41 và 42**Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước |
| 4 | **Từ Điều 7 đến Điều 12**Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 017/2020 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ |
| 5 | **Điều 2, 3, 4, 5 và 6**Thông tư số 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng |
| 6 | **Điều 4, 5, 6, 7, 8 và 14**Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử |
| 7 | **Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh** Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 8 | **Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 13**Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế |
| 9 | **Điều 4, 6, 7, 8 và 9**Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động y tế từ xa |
| 10 | **Mô hình an toàn thông tin 4 lớp**Công văn số 1552/BTTTT-CATTT ngày 28/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông |

**12.2. Vị trí tuyển dụng: Kỹ sư hạng III - Thực hiện công tác chuyên môn về môi trường/Quản lý hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng trong bệnh viện**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 85, 86, 87, 101, 108 và 109**Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 |
| 2 | **Điều 10, 12 và 20** Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường |
| 3 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 4 | **Điều 2 và 5** Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt |
| 5 | Thông tư 36/2015/TT-BTNMT 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại |
| 6 | Kế hoạch số 1315/KH-BYT ngày 19/11/2019 của Bộ Y tế về giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Y tế |

**12.3. Vị trí tuyển dụng: Kỹ sư hạng III - Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm hóa lý**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Chương III, IV và VI**Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất |
| 2 | Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |
| 3 | **Chương II** Thông tư số 04/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sử dụng hóa chất để thực hiện thí nghiệm và nghiên cứu khoa học |
| 5 | **Điều 3, 4, 18, 19 và 20**Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm |
| 6 | **Điều 3 và 4**Thông tư số 37/2017/TT-BYT ngày 25/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành bảo đảm an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm |

**12.4. Vị trí tuyển dụng: Kỹ sư hạng III - Thực hiện công tác chuyên môn về kỹ thuật điện tử, truyền thông**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018 |
| 2 | Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015 |
| 3 | Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nướcThông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước |
| 4 | Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ |
| 5 | **Nội dung về truyền thông y tế**Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 |

**13. Kỹ thuật viên hạng IV (V.05.02.08): 03 chỉ tiêu**

**13.1. Vị trí tuyển dụng: Kỹ thuật viện hạng IV - Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về Công nghệ thông tin**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 23, 24, 35, 71 và 72**Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006 |
| 2 | **Điều 10, 11, 13, 15, 21, 22, 23 và 25** Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015 |
| 3 | **Điều 35, 38, 41 và 42**Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước |
| 4 | **Từ Điều 7 đến Điều 12**Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 017/2020 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ |
| 5 | **Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 13**Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định trích chuyển dữ liệu điện tử trong quản lý và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế |
| 6 | **Điều 4, 6, 7, 8 và 9**Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động y tế từ xa |

**14. Y tế công cộng hạng III (V.08.04.10): 01 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Mục 1, 2, 3 phần III – Nội dung và quy trình giám sát** Quyết định số 2018/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn giám sát dựa vào sự kiện” |
| 2 | **Mục 1, 2, 3 và 4 phần III – Các biện pháp phòng bệnh**Quyết định số 3468/QĐ-BYT ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19” |
| 3 | Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 17/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về 10 lời khuyên dinh dưỡng dưỡng hợp lý đến năm 2020 thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030 |
| 4 | **Điều 4, 5 và 6** Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế |
| 5 | **Phần II. Quy định kỹ thuật**Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo vệ sinh (QCVN 01: 2011/BYT) |
| 6 | **Khoản h, Mục 8. Dự án 8. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế**Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 |
| 7 | **Từ Điều 4 đến Điều 8; từ Điều 11 đến Điều 13**Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế |

**15. Chuyên viên (01.003): 01 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 2 và 3**Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 |
| 2 | **Từ Điều 7 đến Điều 13; Phần I của Phụ lục I; Phụ II**Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư |
| 3 | **Điều 2, 3, 5 và 7**Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước |
| 4 | Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ |
| 5 | Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về công tác y tế tại Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30/9/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025  |

**16. Lưu trữ viên trung cấp hạng IV (V.01.02.03: 02 chỉ tiêu)**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | Luật Lưu trữ ngày 01 tháng 11 năm 2011 |
| 2 | **Điều 4, 5, 7, 8, 10, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23,25, 28,29,30,31,32 và 33**Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư |

**17. Kế toán viên (06.031): 08 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 4, 5, 6, 7, 13, 22 và 29**Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015 |
| 2 | **Điều 45, 54 và 56**Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 |
| 3 | **Điều 22, 23, 24, 38 và 54**Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013 |
| 4 | **Điều 22, 23, 38, 42 và 45**Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 21 tháng 6 năm 2017 |
| 5 | **Điều 38, 39, 40 và 41**Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước |
| 6 | **Điều 4, 5, 12, 13, 14 và 17**Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước |
| 7 | **Điều 17, 18, 19 và 30**Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước |
| 8 | **Điều 3, 4, 5, 6 và 7**Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp |

**18. Kế toán trung cấp (06.032): 03 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG** |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 4, 5, 6 và 7**Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015 |
| 2 | **Điều 21, 23 và 24**Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 21 tháng 6 năm 2017 |
| 3 | **Điều 4, 5 và 17**Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước |
| 4 | **Điều 5, 6 và 7**Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp |
| 5 | **Điều 6, 7, 9 và 10**Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công |
| 6 | **Điều 15, 16, 17, 18 và 19**Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp |

**19. Dân số viên hạng III (V.08.10.28): 03 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Điều 4, 5 và 7** Pháp lệnh Dân số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI |
| 2 | **Điều 96, 97, 98, 99, 100 và 101**Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế |
| 3 | **Điều 2, 3 và 5**Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số |
| 4 | **Điều 1** Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/016 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số |
| 5 | Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới |
| 6 | **Điều 1**Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 |
| 7 | Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân” |

**20. Dân số viên hạng IV (V.08.10.29): 06 chỉ tiêu**

| **STT** | **NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG**  |
| --- | --- |
| 1 | **Phần 3** Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương |
| 2 | **Điều 9, 10, 11 và 12** Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003  |
| 3 | Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008  |
| 4 | **Điều 2**Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số |
| 5 | Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số |
| 6 | **Điều 1 và 2**Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số |
| 7 | **Điều 102**Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế |
| 8 | Tài liệu tư vấn về các phương tiện tránh thai ban hành theo Quyết định số 04/QĐ-TCDS ngày 16/32018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |
| 9 | **Điều 2 và 5**Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số |

**\_\_\_\_\_\_\_\_**